

Số: 441 /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 06 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2016 của người quản lý Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Quyết định số 35/2013/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Văn bản số 487/SLĐTBXH-LĐVL ngày 26 tháng 4 năm 2017 về việc đề nghị phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2016 của người quản lý trong các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện đối với người quản lý Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xổ số kiến thiết Tuyên Quang, với tổng số tiền: **829.700.000 đồng** (Tám trăm hai mươi chín triệu, bảy trăm nghìn đồng), cụ thể:

1. Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý chuyên trách là: 773.742.000 đồng.

2. Thù lao của Kiểm soát viên không chuyên trách là: 55.958.000 đồng.

Trong đó:

- Thù lao của Kiểm soát viên không chuyên trách 6 tháng đầu năm (02 người): 37.305.000 đồng.

- Thù lao của Kiểm soát viên không chuyên trách 6 tháng cuối năm (01 người): 18.653.000 đồng

2

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Lao động, Thương binh và Xã hội, Nội vụ; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Tuyên Quang; Chủ tịch kiêm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kiểm soát viên tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xổ số kiến thiết Tuyên Quang và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (Báo cáo);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 2 (thi hành);
- Phó CVP UBND tỉnh: Nguyễn Thanh;
- Chuyên viên: TH, TC;
- Lưu: VT, TH (Huy. TH).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Kim Dung

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

A

**BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH
QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN NĂM 2016 CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KT TUYỀN QUANG**

Hôm nay, ngày 18/5/2017, tại văn phòng Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Tuyên Quang, thành phần gồm:

1. Kiểm soát viên:

- Bà: Đỗ Thị Thái Hà - Trưởng phòng Tài chính DN, Sở Tài chính.

2. Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Tuyên Quang:

- Ông: Lê Văn Đề - Chủ tịch kiêm giám đốc;

- Ông Lương Văn Hoan - Phó Giám đốc kiêm Chủ tịch công đoàn

- Ông: Nguyễn Thanh Tùng - Kế toán trưởng.

NỘI DUNG

Thẩm định Quỹ tiền lương thực hiện năm 2016 của người lao động tại Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Tuyên Quang.

I/ Căn cứ thẩm định:

1. Quyết định số 35/2013/QĐ-TTg ngày 07/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

2. Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

3. Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

4. Văn bản số 11065/BTC-TCNH ngày 08/8/2014 của Bộ Tài chính về việc xác định chênh lệch trả thưởng đối với Công ty Xổ số kiến thiết;

5. Quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Điều lệ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xổ số kiến thiết Tuyên Quang;

6. Văn bản số 743/UBND-TH ngày 22/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc thực hiện quản lý lao động, tiền lương, tiền thù lao, tiền thưởng đối với công ty nhà nước;

7. Tờ trình số 16/TTr-XS ngày 17/02/2017 của công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Tuyên Quang phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động năm 2016;

8. Biên bản thẩm định quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý chuyên trách, thù lao kiểm soát viên không chuyên trách năm 2016 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính ngày 20/4/2017.

B

II/ Một số chỉ tiêu tài chính, kết quả kinh doanh năm 2016 theo báo cáo của công ty đã được kiểm toán:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện
1	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	9.000.000.000	9.000.000.000
2	Doanh thu tiêu thụ	..	75.650.000.000	75.879.563.000
3	Doanh thu	..	59.802.371.542	59.983.844.269
4	Lợi nhuận	..	3.476.300.000	3.488.089.727
5	Chi phí trả thưởng (cả dự phòng)	..	42.514.516.418	41.193.376.252
6	Chênh lệch trả thưởng (Y.tổ KQ)		866.277.914	1.450.152.000
7	Số lao động bình quân	người	28	27,5
8	Chi phí không bao gồm tiền lương	..	53.100.000.000	52.346.217.323
9	Năng suất lao động bình quân tháng	Đ/ng/th	19.259.688	18.749.924
10	Tiền lương bình quân	Đ/ng/th	7.816.860	7.479.769

III/ Kết quả thẩm định Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động

1. Xác định chênh lệch trả thưởng để tính quỹ tiền lương thực hiện khi xác định yếu tố khách quan:

$$\begin{aligned}
 & \left. \begin{array}{l} \text{Chênh lệch trả} \\ \text{thưởng để tính} \\ \text{yếu tố khách} \\ \text{quan khi xác} \\ \text{định NSLĐ và} \\ \text{Lợi nhuận} \end{array} \right\} = \left\{ \begin{array}{l} \frac{\text{Chi phí trả thưởng năm} \\ \text{thực hiện (bao gồm cả số} \\ \text{trích lập, sử dụng quỹ} \\ \text{DP rủi ro trả thưởng)}}{\text{Doanh thu tiêu thụ năm} \\ \text{thực hiện}} - \frac{\text{Chi phí trả thưởng năm} \\ \text{trước liền kề (bao gồm cả} \\ \text{số trích lập, sử dụng quỹ} \\ \text{DP rủi ro trả thưởng)}}{\text{Doanh thu tiêu thụ năm} \\ \text{trước liền kề}} \right\} \times \text{Doanh thu} \\ & \hspace{15em} \text{tiêu thụ năm} \\ & \hspace{15em} \text{thực hiện} \\ \\
 & \left. \begin{array}{l} \text{Chênh lệch trả} \\ \text{thưởng để tính} \\ \text{yếu tố khách} \\ \text{quan khi xác} \\ \text{định NSLĐ và} \\ \text{Lợi nhuận} \end{array} \right\} = \frac{41.193.376.252}{75.879.563.000} - \frac{42.368.707.643}{75.390.549.000} \times 75.879.563.000 \\ \\
 & \hspace{15em} = -1.450.152.000 \text{ đồng}
 \end{aligned}$$

Mức chênh lệch trả thưởng năm 2016 giảm so với năm 2015 là 1.450.152.000 đồng, đây là yếu tố khách quan phải giảm trừ phần lợi nhuận và cộng tăng thêm chi phí kinh doanh khi xác định chỉ tiêu năng suất lao động bình quân thực hiện và chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện để tính tiền lương (tăng, giảm) theo năng suất và theo lợi nhuận. e

2. Xác định mức tiền lương thực hiện bình quân năm 2016

Quỹ tiền lương thực hiện năm 2016 được xác định theo công thức (10) tại số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

$$V_{th} = TL_{bqth} \times L_{thbq} \times 12 + V_{dt} \quad (1)$$

Mức tiền lương bình quân thực hiện xác định trên cơ sở mức tiền lương bình quân kế hoạch gắn với mức tăng hoặc giảm năng suất lao động bình quân và lợi nhuận thực hiện so với kế hoạch.

- Mức tiền lương bình quân kế hoạch năm 2016 là 7.816.860 đồng/người/tháng

- Số lao động bình quân thực tế sử dụng năm 2016 là 27,5 người

- NSLĐ bình quân kế hoạch năm 2016 là 19.259.688 đồng/người/tháng.

2.1/ Xác định năng suất lao động bình quân thực hiện năm 2016:

$$W_{th} = \frac{\sum \text{doanh thu TH} - \sum \text{chi phí chưa có lương}}{\text{Lao động BQTTSD}}$$

$$\frac{59.983.844.269 - (52.302.022.505 + 1.450.152.000)}{27,5 \text{ người}} = 226.606.173 \text{ đồng/ng/năm}$$

Năng suất lao động bình quân thực hiện năm 2016 là 226.606.173 đồng/người/năm, 18.883.847 đồng/người/tháng, giảm 1,95% so với năng suất lao động bình quân kế hoạch năm 2016

2.2/ Xác định lợi nhuận thực hiện năm 2016:

- Lợi nhuận kế hoạch năm 2016 là 2.610.022.086 đồng (đã giảm trừ yếu tố khách quan là 866.277.914 đồng)

- Lợi nhuận thực hiện năm 2016 là 2.082.186.545 đồng (đã giảm trừ yếu tố khách quan là 1.450.152.000 đồng)

Lợi nhuận thực hiện năm 2016 giảm so với lợi nhuận kế hoạch là 20,22 %

2.3/ Xác định mức tiền lương thực hiện bình quân năm 2016:

Công ty có năng suất lao động bình quân thực hiện trong năm 2016 thấp hơn so với kế hoạch của năm 2016 và lợi nhuận thực hiện năm 2016 thấp hơn kế hoạch năm 2016 thì mức tiền lương bình quân thực hiện được xác định theo công thức (8) của 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

$$TL_{bqth} = TL_{bqkh} - TL_{ns} - TL_{ln} \quad (8)$$

*** Điều chỉnh giảm tiền lương theo chỉ tiêu năng suất:**

$$TL_{ns} = TL_{bqkh} \times \left(1 - \frac{W_{th}}{W_{kh}} \right) \times 0,8 \quad (7)$$

$$TL_{ns} = 7.816.860 \times \left(1 - \frac{18.883.847}{19.259.688} \right) \times 0,8 = 122.032 \text{ đồng}$$

Tiền lương giảm theo năng suất lao động là 122.032 đồng

*** Điều chỉnh giảm tiền lương khi lợi nhuận thực hiện giảm:**

Tính theo công thức (5) tại điểm c khoản 2 Điều 9 Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

$$TL_{ln} = TL_{bqkh} \times \left(1 - \frac{P_{th}}{P_{kh}} \right) \times 0,2$$

$$TL_{ln} = 7.816.860 \times \left(1 - \frac{2.082.186.545}{2.610.022.086} \right) \times 0,2 = 316.167 \text{ đồng}$$

Tiền lương giảm theo lợi nhuận giảm là 316.167 đồng

Thay TL_{ns} và TL_{ln} vào công thức (8):

$$TL_{bqth} = 7.816.860 - 122.032 - 316.167$$

$$TL_{bqth} = 7.378.661 \text{ đồng}$$

*** Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động năm 2016 được xác định:**

$$V_{th} = TL_{bqth} \times L_{thbq} \times 12 + V_{dt} \quad (1)$$

$$V_{th} = 7.378.661 \text{ đồng} \times 27,5 \text{ người} \times 12 \text{ tháng} = 2.434.958.130 \text{ đồng}$$

$$\text{Tính tròn số} = 2.434.958.000 \text{ đồng.}$$

3. Kết quả thẩm định:

E


DVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Số doanh nghiệp báo cáo	Số thẩm định	Chênh lệch tăng (+); giảm (-)
1	Doanh thu có thuế	75.879.563.000	75.879.563.000	
2	Doanh thu thuần KD xố số	59.983.844.269	59.983.844.269	
3	Lợi nhuận	3.488.089.727	3.532.338.545	44.248.818
4	Chi phí trả thưởng (cả dự phòng)	41.193.376.252	41.193.376.252	
5	Chênh lệch trả thưởng (Y.tố KQ)	1.450.152.000	1.450.152.000	
6	Số lao động bình quân	27,5	27,5	
7	Chi phí không bao gồm tiền lương	52.346.217.323	52.302.022.505	-44.248.818
8	Năng suất lao động bình quân (đồng/người/ tháng)	18.749.924	18.883.847	133.923
9	Tiền lương bình quân	7.479.769	7.378.661	-101.108
10	Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động	2.468.323.770	2.434.958.000	-33.365.770

Ghi chú: Chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện năm 2016 số kiểm tra giảm 44.248.818 đồng, căn cứ kết quả kiểm tra báo cáo tài chính năm 2016 của Kiểm soát viên tại Biên bản ngày 13/3/2017.

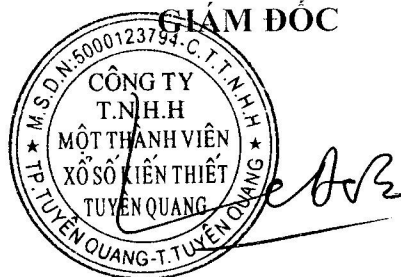
Biên bản gồm 05 trang, được lập thành 03 bản, có giá trị pháp lý như nhau, Kiểm soát viên 01 bản, Doanh nghiệp 02 bản và được thông qua trước Ban giám đốc doanh nghiệp, các thành viên nhất trí thông qua và cùng ký tên. ./.

PHÓ GIÁM ĐỐC



Luong Văn Hoan

GIÁM ĐỐC



Lê Văn Đề

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Tùng

KIỂM SOÁT VIÊN



Đỗ Thị Thái Hà